

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4356/BTC-TCT

V/v hướng dẫn quản lý thuế đối với hoạt động mua, bán
tiền kỹ thuật số

Hà Nội ngày 01 tháng 04 năm 2016

Kính gửi: Cục thuế tỉnh Bến Tre

Trên cơ sở đề nghị của Cục Thuế tỉnh Bến Tre tại công văn số 125/CT-TTr ngày 20/01/2015, công văn số 1077/CT-TTr ngày 19/6/2015 và Cơ quan An ninh Điều tra - Công an tỉnh Bến Tre tại công văn số 87/ANĐT ngày 19/10/2015 về việc đề nghị hướng dẫn thu thuế và xử lý đối với hoạt động mua, bán tiền kỹ thuật số của Nguyễn Việt Cường, sau khi lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan, Bộ Tài chính hướng dẫn Cục Thuế như sau:

1. Căn cứ pháp lý áp dụng trong quản lý thu thuế đối với hoạt động mua, bán tiền kỹ thuật số

1.1. Quy định tại Pháp luật về thuế;

- Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 có quy định như sau:

“Điều 3. Đối tượng chịu thuế: Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này.

Điều 4. Người nộp thuế: Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng (sau đây gọi là người nhập khẩu).

Điều 5. Đối tượng không chịu thuế....”

- Luật Thuế TNCN số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 có quy định như sau:

“...Điều 2. Đối tượng nộp thuế: Đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân là cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam...

Điều 3. Thu nhập chịu thuế: Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân gồm các loại thu nhập sau đây, trừ thu nhập được miễn thuế quy định tại Điều 4 của Luật này: 1. Thu nhập từ kinh doanh, bao gồm:

a) Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ; ”,

- Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 có quy định như sau:

“...Điều 2. Người nộp thuế: 1. Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật này (sau đây gọi là doanh nghiệp), bao gồm: a) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam...

1.2. Quy định tại các Pháp luật khác có liên quan:

Điều 3 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 có quy định như sau:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ...2. Hàng hóa bao gồm: a:) Tất cả các loại động sản, kể cả động sản hình thành trong tương lai...”

Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 có quy định như sau:

“... Điều 163. Tài sản: Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản...”

Điều 174. Bất động sản và động sản

1. Bất động sản là các tài sản bao gồm:

a) Đất đai;

b) Nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai, kể cả các tài sản gắn liền với nhà, công trình xây dựng đó;

c) Các tài sản khác gắn liền với đất đai;

d) Các tài sản khác do pháp luật quy định.

2. Động sản là những tài sản không phải là bất động sản

Điều 181. Quyền tài sản: Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền và có thể chuyển giao trong giao dịch dân sự kể cả quyền sở hữu trí tuệ”.

Đối chiếu với các quy định về Pháp luật thuế, Pháp luật khác có liên quan và thực tế mua, bán tiền kỹ thuật số theo công văn số 125/CT-TTr ngày 20/01/2015 và báo cáo của Cục Thuế tỉnh Bến Tre cho thấy:

Hành vi mua, bán tiền kỹ thuật số không phải là hành vi bị cấm;

Người sở hữu tiền kỹ thuật số có quyền trị giá được bằng tiền và có thể chuyển giao trong giao dịch dân sự nên thuộc “quyền tài sản” theo Điều 181 Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11. Do vậy, **tiền kỹ thuật số là “tài sản”** theo Điều 163 Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11, là **tài sản “động sản”** theo Điều 174 Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 và là **“hàng hoá” động sản** theo Điều 3 Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

Hoạt động **mua, bán tiền kỹ thuật số là hoạt động mua, bán hàng hóa** và được xếp vào loại hình hoạt động kinh doanh thương mại.

Tiền kỹ thuật số thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo quy định tại Điều 3 (*không thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Điều 5*) Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12;

Cá nhân kinh doanh tiền kỹ thuật số thuộc đối tượng nộp thuế TNCN theo quy định tại Điều 2 Luật Thuế TNCN số 04/2007/QH12;

Doanh nghiệp kinh doanh tiền kỹ thuật số thuộc đối tượng phải nộp thuế TNDN theo quy định tại Điều 2 Luật Thuế TNDN số: 14/2008/QH12 .

2. Quản lý thu thuế đối với trường hợp mua, bán tiền kỹ thuật số nêu tại công văn số 125/CT-TTr ngày 20/01/2015 của Cục Thuế tỉnh Bến Tre

Căn cứ vào các thông tin, dữ liệu được Cục Thuế tỉnh Bến Tre cung cấp cho Bộ Tài chính tính đến ngày 21/10/2015, ông Nguyễn Việt Cường, Hộ kinh doanh áo cưới TSEN và Công ty TNHH Một thành viên HTE, MST: 1300601203 (nay là Công ty TNHH Một thành viên điện thoại di động Minh

Nhật) có hoạt động kinh doanh mua, bán tiền kỹ thuật số trong giai đoạn 2009 đến tháng 10/2013 thuộc đối tượng nộp thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại (mua, bán hàng hoá tiền kỹ thuật số), cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Việt Cường phải nộp thuế GTGT và thuế TNCN đối với hoạt động kinh doanh thương mại (mua, bán hàng hoá tiền kỹ thuật số);

Hộ kinh doanh áo cưới TSen phải nộp thuế GTGT và thuế TNCN (mua, bán hàng hoá tiền kỹ thuật số);

Công ty TNHH Một thành viên LITE phải nộp thuế GTGT và thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh thương mại (mua, bán hàng hoá tiền kỹ thuật số).

3. Yêu cầu báo cáo kết quả quản lý thuế

Bộ Tài chính đề nghị Cục Thuế tỉnh Bến Tre thực hiện kiểm tra thuế, thanh tra thuế, ấn định thuế, xử phạt vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế đối với ông Nguyễn Việt Cường, Hộ kinh doanh áo cưới TSEN và Công ty TNHH Một thành viên HTE về hoạt động kinh doanh mua, bán tiền kỹ thuật số giai đoạn 2009 đến tháng 10/2013 và báo cáo bằng văn bản kết quả thu tiền thuế và tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế đối với 03 đối tượng này về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) trước ngày 30/04/2016.

